

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng :

Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm được chuyển đổi từ Công Ty Dược – Vật Tư Y Tế Trà Vinh theo QĐ số 355/QĐ-CTT ngày 17 tháng 03 năm 2003 của UBND Tỉnh Trà Vinh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5803000005, đăng ký lần đầu ngày 09/5/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 15/3/2005, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 06/3/2007 Sở Kế hoạch và đầu tư Trà Vinh cấp.

Vốn Điều lệ ban đầu của Công ty là : 35 tỷ đồng, đến 31/12/2009 Vốn điều lệ của Công ty là : 63 tỷ đồng, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 27 đường Điện Biên Phủ, Phường 9, Thị Xã Trà Vinh.

2. Quá trình phát triển :

*** Ngành nghề kinh doanh :**

- Sản xuất – kinh doanh xuất nhập khẩu : Thuốc tân dược, đông dược, sinh phẩm y tế và thực phẩm chức năng.
- Sản xuất –kinh doanh xuất nhập khẩu : Thuốc và nguyên liệu, tá dược dùng cho thú y, nguyên liệu hương liệu, dược liệu, tá dược, bao bì dùng làm thuốc cho người và trang thiết bị dùng trong ngành y dược.
- Sản xuất –kinh doanh xuất nhập khẩu : Mỹ phẩm, hóa chất xét nghiệm, thiết bị dụng cụ dùng trong phòng thí nghiệm (Lý-hóa-sinh) thuốc sát trùng.
- Sản xuất –kinh doanh xuất nhập khẩu : Thực phẩm dinh dưỡng, sữa, nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết, nước uống từ dược liệu và nước khoáng không chứa cồn

*** Tình hình hoạt động :**

TT	Chỉ tiêu cơ bản	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
1	Doanh thu tiêu thụ	179.812.383.000	173.928.470.511	237.428.860.346
2	Thu nhập trước thuế	15.250.955.000	9.987.705.967	24.587.868.225
3	Thuế TNDN	1.525.095.000	1.997.541.193	2.092.173.061
4	Thu nhập sau thuế	13.725.860.000	7.990.164.774	22.495.695.164
5	Vốn cổ phần	63.000.000.000	63.000.000.000	63.000.000.000
6	Kim ngạch nhập khẩu (USD)	9.219.907	6.266.627	7.522.490
7	Các khoản nộp Ngân sách	3.872.679.043	4.250.142.928	7.679.697.968

3. Định hướng phát triển :

*** Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :**

- Phát triển toàn diện, an toàn và bền vững trên lĩnh vực dược, tăng thị phần, mở rộng thị trường trong nước, hướng tới xuất khẩu sang các nước khu vực lân cận và thị trường Quốc tế trên cơ sở Việt nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO.

- Phát huy tối đa công suất nhà máy non β lactam và tăng dần sản lượng nhà máy β lactam. Sản xuất tập trung, chú trọng việc cung cấp các mặt hàng chủ lực có chất lượng cao, giá thành hợp lý.

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ sinh học. Nghiên cứu thử nghiệm, đưa vào sản xuất những mặt hàng thuốc mới thuộc nhóm vitamin, kháng viêm, an thần, cảm cúm, giảm đau, hạ nhiệt .

- Duy trì và phát triển hệ thống quản lý chất lượng ISO và các tiêu chuẩn GMP, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng cả hai nhà máy non β lactam và β lactam đều đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

II- Báo cáo của Hội đồng quản trị .

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2009:

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2009 :

Đơn vị tính : 1000đ

TT	Nội dung	KH 2009	TH 2009	% TH/KH
1	Doanh thu tiêu thụ	218.934.000.000	237.428.860.000	108,45
2	Lợi nhuận trước thuế	21.138.871.000	24.587.868.000	116,32
3	Thuế TNDN	3.756.293.000	2.092.173.000	55,70
4	Lợi nhuận sau thuế	17.382.5578.000	22.495.695.000	129,42
5	Vốn điều lệ	63.000.000.000	63.000.000.000	100,00

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo tình hình tài chính

Trong năm tài chính, hoạt động sản xuất –kinh doanh của Công ty gặp phải không ít khó khăn :

- Nguồn vốn kinh doanh không đáp ứng đủ cho nhu cầu hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty. Vốn vay ngắn hạn Ngân hàng và các tổ chức tín dụng đều phụ thuộc vào tài sản cố định đưa đi thế chấp. Trên 60% nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty đều phải nhập khẩu, nguồn ngoại tệ và tỷ giá hối đoái đều phụ thuộc vào Ngân hàng thương mại cổ phần .

- Vốn cổ phần của cổ đông công ty : Số cổ phần của cổ đông Công ty đến thời điểm 31/12/2009 là 6.300.000 cổ phần phổ thông, tương ứng với 63 tỷ đồng, Công ty không có cổ phần ưu đãi. Tỷ lệ chia cổ tức cho các cổ đông công ty trong năm 2009 dự kiến là 18%/năm.

- Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 tình hình tài chính của Công ty như sau :

* Tổng giá trị tài sản :	232.357 tỷ đồng.
+) Tài sản ngắn hạn :	178.490 tỷ đồng.
+) Tài sản dài hạn :	53.867 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu tài chính :

TT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
1	Cơ cấu tài sản		
	-Tài sản dài hạn / Tổng tài sản (%)	23,18	25,76
	-Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản (%)	76,82	74,24
2	Cơ cấu vốn (%)		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	46,02	53,61
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	53,98	46,39
3	Kết cấu vốn (tỷ đồng)	125,437	103,084
	- Vốn lưu động	72,046	50,478
	- Vốn cố định	53,391	52,606
4	Tỷ trọng vốn (%)		
	- Vốn lưu động	57,44	48,97
	- Vốn cố định	42,56	51,03
5	Khả năng thanh toán (lần)		
	- Khả năng thanh toán nhanh	0,14	0,12
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1,67	1,38
6	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng TS (%)	9,68	3,60
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / DT thuần (%)	9,47	4,59
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH (%)	17,93	7,75

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

Các báo cáo tài chính năm 2009 bao gồm : Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bảng thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ .

Ý kiến của kiểm toán :

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của **Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.Pharm** và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan .

ĐVT : 1000đ

A -TÀI SẢN	SỐ TIỀN	B -NGUỒN VỐN	SỐ TIỀN
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	178.489.751.397	I. NỢ PHẢI TRẢ	106.919.372.972
1. Tiền và tương đương tiền	15.031.956.951	1. Nợ ngắn hạn	106.443.865.750
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	76.762.547.740	2. Nợ dài hạn	475.507.222
3. Hàng tồn kho	73.441.072.256		
4. Tài sản ngắn hạn khác	13.254.174.450		
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	53.866.925.035	II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	125.437.303.460
1. Tài sản cố định	53.120.817.891	1.Vốn chủ sở hữu	125.251.103.527
2. Tài sản dài hạn khác	746.107.144	2.Quỹ K/thưởng, phúc lợi	186.199.933
CỘNG :	232.356.676.432	CỘNG :	232.3356.676.432

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ :

1) Cơ cấu tổ chức của Công ty :

- Tên Công ty : Công ty cổ phần Dược phẩm TV.Pharm
- Tên viết tắt : TV.PHARM
- Tên Tiếng Anh : TV.Pharm Pharmaceutical Joint-Stock Company.
- Biểu tượng của Công ty :
- Trụ sở : Số 27 Điện Biên Phủ, Khóm2, Phường 9, TX Trà Vinh
- Điện thoại : (84-74) 753 121
- Fax: : (84-74) 855 372
- Email : ctycpdptv@vnn.vn
- Giấy CNĐKKD : Số 5803000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/03/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16/03/2007.
- Vốn điều lệ : 63.000.000.000 đồng (Sáu mươi ba tỷ đồng).
- Ngành nghề kinh doanh
 - Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu: thuốc tân dược, đông dược, sinh phẩm y tế và thực phẩm chức năng;
 - Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu: thuốc và nguyên liệu, tá dược dùng cho thú y; nguyên liệu, hương liệu, dược liệu, tá dược, bao bì dùng làm thuốc cho người và trang thiết bị dùng trong ngành y dược;
 - Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu: mỹ phẩm, hóa chất xét nghiệm, thiết bị dụng cụ dùng trong phòng thí nghiệm (lý – hóa – sinh), thuốc sát trùng (dùng người);
 - Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu: thực phẩm dinh dưỡng, sữa, nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết, nước uống từ dược liệu và nước khoáng 0 chứa cồn.
 - Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty như sau: (xem sơ đồ)

- Trụ sở Công ty:
 - Địa chỉ: 27 Điện Biên Phủ, Khóm 2, Phường 9, Thị xã Trà Vinh.
 - Điện thoại: (84-074)753 121 Fax: (84-074) 855 372.

Các đơn vị trực thuộc: Hiện nay Công ty có 07 Chi nhánh trực thuộc: Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh TP Hồ Chí Minh , Chi nhánh Trà Vinh., Chi nhánh Cần thơ, Chi nhánh An Giang, Chi nhánh Đồng Nai , Chi nhánh Đà Nẵng

TT	Đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Q1 Bis, Cư Xá Bắc Hải, P15, Q10, TP.HCM
2	Chi nhánh Hà Nội	95 Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
3	Chi nhánh Trà Vinh	37 – 39 Phạm Thánh Bường, P3, TX Trà Vinh
4	Chi nhánh Cần thơ	17B2 An khánh , quận Ninh kiều , Tp Cần thơ
5	Chi nhánh An giang	11B đường Bùi Thị Xuân,P Mỹ xuyên,An giang
6	Chi nhánh Đồng nai	Phường Quang Vinh,đường CMtháng 8,TP Biên hòa
7	Chi nhánh Đà nẵng	423 đường Trưng Nữ Vương, Hải Châu ,TP Đà nẵng

2.Cơ cấu tổ chức

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm có bộ máy quản lý tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội cổ đông cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự . Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ:

- Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên.
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị.
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

Hội đồng Quản trị: là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội. Các thành viên Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số thành viên của Hội đồng quản trị không ít hơn 5 người và không nhiều hơn 11 người. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 07 thành viên.

Ban Kiểm soát: là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 03 năm. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban.

Tổng Giám đốc: là người điều hành và quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc phụ trách lưu thông phân phối: là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, được Tổng Giám đốc uỷ quyền, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về công tác lưu thông và phân phối của Công ty.

Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất: là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, được Tổng Giám đốc uỷ quyền, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về lĩnh vực kỹ thuật, sản xuất. Trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động kỹ thuật sản xuất.

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh: là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, được Tổng Giám đốc uỷ quyền, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về lĩnh vực kinh doanh. Trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các phòng ban:

Phòng Tổ chức – Hành chính: Có 14 CB.CNV trong đó có 01 trưởng phòng tham mưu cho Tổng giám đốc về các nhiệm vụ: tuyển dụng, điều hành nhân sự. Giải quyết các chế độ chính sách cho nhân viên lao động tiền lương, tiền thưởng... Tiếp nhận công văn đi đến, lưu trữ bảo mật hồ sơ gốc. Mua sắm, cấp phát các vật dụng, máy móc thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm - vật rẻ theo dự trù của các phòng ban. Quản lý và điều động các phương tiện vận chuyển hàng hoá và công tác.

Phòng KT – TV: Có 14 CB.CNV trong đó có 01 trưởng phòng và 01 phó phòng ,tham mưu cho Tổng giám đốc: về việc thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản của công ty, xây dựng kế hoạch tài chính đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, lập biểu mẫu thu chi hạch toán tài chính, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của nhà nước và công ty...

Phòng KH – NV: Có 15 CB.CNV trong đó có 01 trưởng phòng tham mưu cho Tổng giám đốc: về việc thực hiện nhiệm vụ theo dõi nhập xuất nguyên liệu, hoá chất, bao bì phục vụ cho sản xuất, hàng hoá phục vụ kinh doanh, lập kế hoạch sản xuất cùng với nhà máy sản xuất những mặt hàng theo yêu cầu, chịu trách nhiệm về đăng ký mẫu thuốc, mặt hàng, quy trình mới theo chỉ đạo trực tiếp của Tổng giám đốc...

Phòng kinh doanh: Có 120 CB.CNV trong đó có 01 trưởng phòng, 01 phó phòng chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Phó tổng giám đốc phụ trách kinh doanh: nắm bắt nhu cầu thị trường và người tiêu dùng, thực hiện kế hoạch sản xuất và phân phối, mở rộng mạng lưới lưu thông phân phối, mạng lưới trình dược, lập kế hoạch khai thác và quản lý thị trường, in ấn quảng bá thương hiệu.

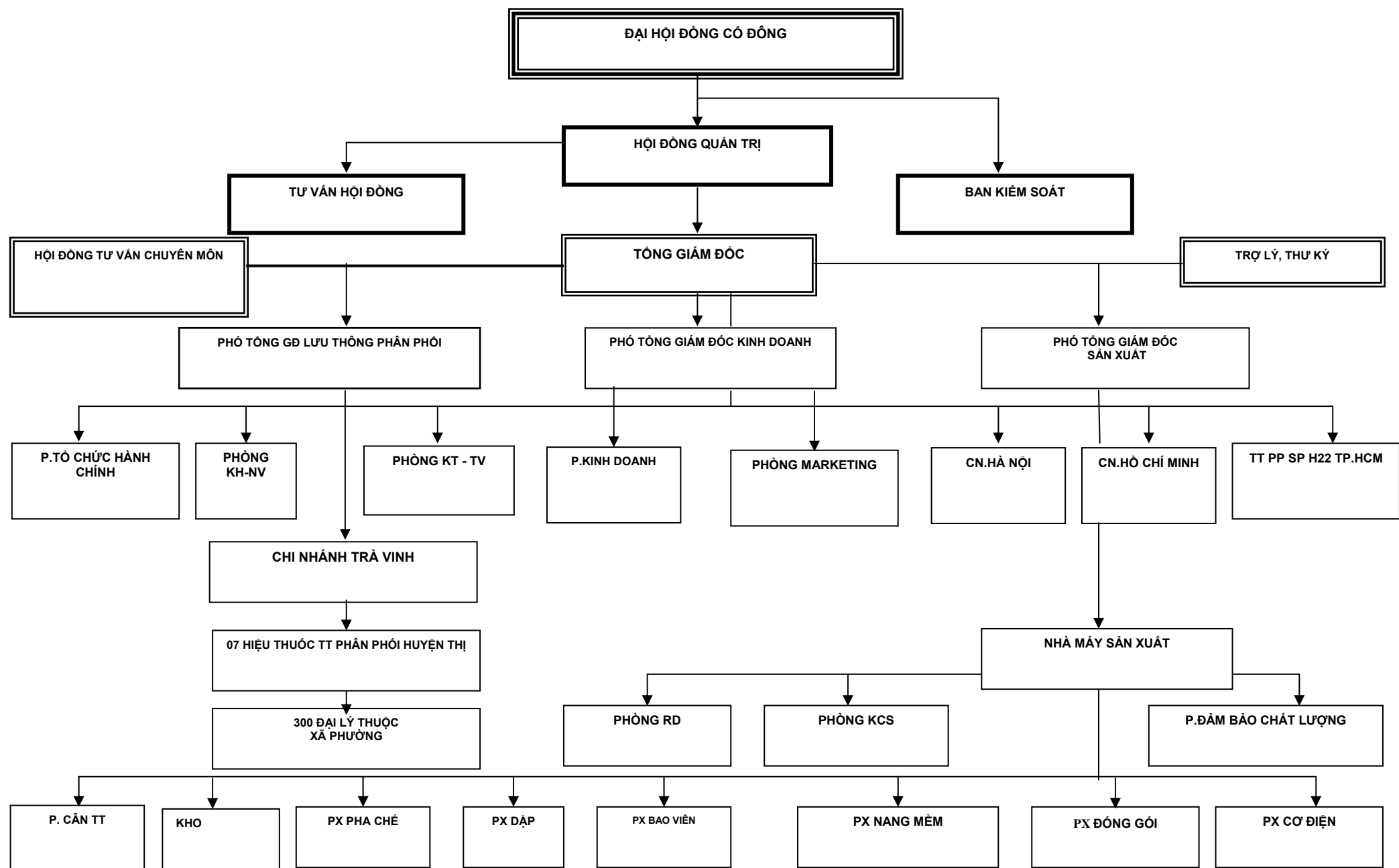
Chi nhánh TP.HCM: Có 32 CB.CNV trong đó có 01 giám đốc chi nhánh và 01 phó giám đốc chi nhánh tham mưu cho Tổng giám đốc: thực hiện nhiệm vụ lưu thông phân phối, kinh doanh hàng hoá do công ty sản xuất và xuất nhập khẩu trực tiếp các nguyên liệu, hoá chất, thành phẩm phục vụ cho sản xuất...

Chi nhánh Hà Nội: Có 24 CB.CNV trong đó có 01 giám đốc chi nhánh chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Phó tổng giám đốc kinh doanh: Xây dựng mạng lưới lưu thông phân phối các tỉnh phía Bắc, phân phối các mặt hàng do công ty sản xuất, chịu trách nhiệm đăng ký mẫu mã hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp theo yêu cầu của công ty.

Chi nhánh Trà Vinh: Có 29 CB.CNV trong đó có 01 giám đốc chi nhánh và 02 phó giám đốc chi nhánh chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tổng giám đốc công ty, thực hiện nhiệm vụ mở rộng mạng lưới lưu thông phân phối trong tỉnh và khai thác các mặt hàng liên kết phục vụ theo yêu cầu của thị trường.

Nhà máy sản xuất: Có 222 CB.CNV gồm 01 giám đốc nhà máy, 02 phó giám đốc nhà máy, và 09 phân xưởng – phòng ban trực thuộc, xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất các mặt hàng theo yêu cầu của Tổng giám đốc, đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY



BẢNG TỶ LỆ VỐN CỔ PHẦN
ĐẾN NGÀY 31/12/2009

I. Thông tin chi tiết về Cơ cấu vốn cổ đông đến 31/12/2009 :

TT	Cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ %
	Tổng vốn CP	6.300.000	100,00
1	Cty ĐT & KD vốn nhà nước	2.738.700	43,47
2	CB CNV trong DN	1.008.003	16,00
3	Cổ đông bên ngoài	2.553.297	40,53

II. Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập :

TT	Họ tên thành viên HĐQT	Số CP sở hữu	Tỷ lệ %
1	Lê Văn Hổ	48.809	0,77
2	Trương Công Hà	3.000	0,05
3	Nguyễn Đăng Nguyên	139.067	2,21
4	Bùi Văn Tòng	13.083	0,21
5	Hòang Văn Giới	24.000	0,38
6	Hà Văn Đồng	18.934	0,30
7	Trần Thị Hoa	9.497	0,15
	CỘNG	256.390	4,07

3.Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

TT	Họ tên	Năm sinh (CMND)	Địa chỉ liên lạc	Nghề nghiệp	Số lượng CP	Tỉ lệ (%)
1	Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	0106000737	Số 6, Phan Huy Chú, Hoàn Kiếm, Hà Nội		2.738.700	43,47
2	Ngô Hữu Hiếu Nghĩa	334001831	22D3, Đinh Bộ Lĩnh, P26, Q Bình Thạnh, TP.HCM		245.636	3,90
3	Đoàn Thị Kim Như	023909656	Số 7, Đường số 9, Cư xá Chu V An, P26, Q BT, TP.HCM		228.371	3,62
4	Nguyễn Đăng Nguyên	334801329	Q1 Bis - Bạch Mã - Cư Xá Bắc Hải - TP.HCM		139.067	2,21
5	Tạ Khoa Lễ	022152181	395 Điện Biên Phủ - P4 - Q3 - TP.HCM		110.126	1,75
6	Lê Văn Thành	191489372	B11 - 369 - Trường Chinh - Hà Nội		105.164	1,67
7	Nguyễn Phúc	021883080	77 - Nguyễn Tất Thành - TP.HCM		93.378	1,48
8	Trần Giác Tâm	330004944	6/61 Nguyễn Văn Lâu, Phường 8, TX Vĩnh Long		82.761	1,31
9	Nguyễn Thị Phương	024006620	37 Trần Nhật Duật, P.Tân Định,Q1, TP.HCM		75.117	1,19
10	Nguyễn Đình Sáu	012408254	Tổ 53 - Yên Hoà - Cây Giấy - TP.Hà Nội		60.564	0,96
11	Nguyễn Minh Thành	023697818	874/52/26A, Đoàn Văn Bơ, P6, Q4, TP.HCM		50.593	0,80
12	Vương Ngọc Xiêm	021829287	203 Phú Gia, Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phong, Q7, Tp. HCM		50.000	0,79
13	Trần Lệ Nguyên	023062528	203 Phú Gia, Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phong, Q7, Tp. HCM		50.000	0,79
14	Lưu Thủ Dân	020035601	16 Lê Quang Định, F.13, Q.5, Tp.HCM		50.000	0,79

Địa chỉ : Số 27 đường Điện biên phủ, phường 9, tx Trà vinh, tỉnh Trà vinh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TỐAN

Đơn vị tính : Đồng

STT	NỘI DUNG	Số cuối năm 2009	Số đầu năm 2009
I	Tài sản ngắn hạn	178.489.751.397	164.951.135.063
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	15.031.956.951	13.216.434.612
2	các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	76.762.547.740	67.881.491.686
4	Hàng tồn kho	73.441.072.256	70.012.110.911
5	Tài sản ngắn hạn khác	13.254.174.450	13.841.097.854
II	Tài sản dài hạn	53.866.925.035	57.241.453.613
1	Các khoản phải thu dài hạn		0
2	Tài sản cố định	53.120.817.891	56.879.747.956
	- Tài sản cố định hữu hình	42.666.705.821	46.763.756.782
	- Tài sản cố định vô hình	9.796.433.844	10.050.912.948
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	657.678.226	65.078.226
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
5	Tài sản dài hạn khác	746.107.144	361.705.657
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	232.356.676.432	222.192.588.676
IV	Nợ phải trả	106.919.372.972	119.108.191.504
1	Nợ ngắn hạn	106.443.865.750	114.472.488.111
2	Nợ dài hạn	475.507.222	4.635.703.393
V	Vốn chủ sở hữu	125.437.303.460	103.084.397.172
1	Vốn chủ sở hữu	125.251.103.527	103.158.345.519
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	63.000.000.000	63.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	34.563.108.125	33.884.780.549
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(274.795.004)	
	- Các quỹ	5.876.868.941	4.832.672.798
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.085.921.465	1.440.892.172
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	186.199.933	(73.948.347)
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	186.199.933	(73.948.347)
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	232.356.676.432	222.192.588.676

II.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2009

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	243.687.509.707	176.816.138.840
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	6.258.649.361	2.887.668.329
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dv	237.428.860.346	173.928.470.511
4	Giá vốn hàng bán	155.134.461.915	121.405.545.302
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và ccdv	82.294.398.431	52.522.925.209
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.986.474.287	2.092.572.183
7	Chi phí tài chính	13.584.952.785	11.059.974.838
8	Chi phí bán hàng	38.387.479.507	26.121.543.500
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.937.782.395	7.744.062.040
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23.370.658.031	9.689.917.014
11	Thu nhập khác	1.219.276.764	398.911.790
12	Chi phí khác	2.066.570	101.122.837
13	Lợi nhuận khác	1.217.210.194	297.788.953
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.587.868.225	9.987.705.967
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.906.254.956	2.183.459.298
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	185.918.105	(185.918.105)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.495.695.164	7.990.164.774
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.571	1.268
	* GHI CHÚ : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (CP)	6.300.000	6.300.000

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008
1	Cơ cấu tài sản (%)		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	23,18	25,76
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	76,82	74,24
2	Cơ cấu nguồn vốn (%)		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	46,02	53,61
	- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	53,98	46,39
3	Khả năng thanh toán (Lần)		
	- Khả năng thanh toán nhanh	0,14	0,12
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1,68	1,44
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	9,68	3,60
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	9,47	4,59
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	17,93	7,75

Báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH BDO Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ.

Trà vinh, ngày 23 tháng 03 năm 2010

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc